TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2026/HS-ST
Ngày 05 - 8 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CAO BẰNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Quốc Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Nông Xuân Kiên

2. Hoàng Mạnh Phú

- Thư ký phiên tòa: Bà La Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 125/2026/TLST-HS ngày 07/7/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2026/QĐXXST-HS ngày 23/7/2026 đối với các bị cáo:

1. Họ tên: H5; giới tính: nam; tên gọi khác: không có; Sinh ngày 15/6/1998, tại xã C, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 6/12; Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: xóm B, xã C, tỉnh Cao Bằng; Con ông Hù A L, sinh năm 1973 và bà Trấn Thị D, sinh năm 1970. nơi ở hiện tại: xóm B, xã C, tỉnh Cao Bằng; Bị cáo là con thứ hai trong gia đình có 03 anh em; Vợ: Sần Thị P, sinh năm 1998; trú tại xóm B, xã C, tỉnh Cao Bằng; Bị cáo có 03 con, con lớn sinh năm 2019, con nhỏ nhất sinh năm 2023; Tiền án, tiền sự: không có;

Nhân thân:

+ Ngày 06/7/2017 bị Công an huyện B, tỉnh Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc.

+ Ngày 20/8/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng xử phạt 06 tháng tù về Tội đánh bạc. Bị cáo kháng cáo, ngày 18/11/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt 06 tháng tù treo, thời gian thử thách 12 tháng; sau đó tiếp tục phạm tội, ngày 29/4/2021, Hù T bị Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc xử phạt 12 tháng tù. Tổng hợp hình phạt của hai bản án là 18 tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị bắt, tạm giam là ngày 06/12/2020. Đã được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh C từ ngày 23/4/2026 đến nay; Có mặt.

2. Họ tên: Phán A C5; Giới tính: nam; Tên gọi khác: không có; Sinh ngày 12/12/1992, tại xã C, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; tôn giáo:

không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 0/12; Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: xóm B, xã C, tỉnh Cao Bằng; Con ông Phán A N (đã chết) và bà H Thì L1 (không rõ năm sinh), hiện đang sinh sống ở Trung Quốc; Bị cáo là con một trong gia đình; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không có;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh C từ ngày 23/4/2026 đến nay; Có mặt.

3. Họ tên: Hoàng Văn C; giới tính: nam; tên gọi khác: không có; Sinh ngày 10/9/1996, tại xã C, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Nùng; Tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 06/12; Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: xóm N, xã C, tỉnh Cao Bằng; Con ông Hoàng A P1, sinh năm 1970 và bà Phán Thị S, sinh năm: 1970, cùng trú tại xóm N, xã C, tỉnh Cao Bằng; Bị cáo là con cả trong gia đình có 03 anh em; Vợ: Cháng Thị T, sinh năm 1998; nghề nghiệp: lao động tự do; trú tại xóm N, xã C, tỉnh Cao Bằng; Bị cáo có 02 con: con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: không có;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh C từ ngày 23/4/2026 đến nay; Có mặt.

4. Họ tên: Đặng Văn S1; giới tính: nam; tên gọi khác: không có; Sinh ngày 07/9/1989, tại xã P, tỉnh Tuyên Quang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 03/12; Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: thôn T, xã P, tỉnh Tuyên Quang; Con ông Đặng Chân C1, sinh năm 1963 và bà Phượng Mùi C2, sinh năm 1963; đều làm nghề lao động tự do và cùng trú tại thôn T, xã P, tỉnh Tuyên Quang; Bị cáo là con út trong gia đình có 02 anh em; Vợ: Triệu Thị H1, sinh năm 1991 (đã ly hôn); nghề nghiệp: lao động tự do; trú tại xã B, tỉnh Tuyên Quang; Bị cáo có 02 con: con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2011, hiện đang ở với ông bà nội;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh C từ ngày 23/4/2026 đến nay; Có mặt.

5. Họ tên: Trần Văn H2; Giới tính: nam; tên gọi khác: không có; Sinh ngày 21/10/2001, tại xã C, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 06/12; Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: xóm B, xã C, tỉnh Cao Bằng; Con ông Trần A H3, sinh năm 1972 và bà Hoàng Thị M, sinh năm 1970; đều làm nghề lao động tự do và cùng trú tại xóm B, xã C, tỉnh Cao Bằng; Bị cáo là con thứ hai trong gia đình có 03 chị em; Vợ: Phần Lù M1, sinh năm 2005; nghề nghiệp: lao động tự do; trú tại xóm B, xã C, tỉnh Cao Bằng; Bị cáo có 02 con: con lớn sinh năm 2022, con nhỏ sinh năm 2024; Tiền án, tiền sự: không có;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh C từ ngày 23/4/2026 đến nay; Có mặt.

6. Họ tên: Mã Văn B; Giới tính: nam; tên gọi khác: không có; Sinh ngày 15/10/2002, tại xã Q, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 08/12; Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: xóm B, xã Q, tỉnh Cao Bằng; Con ông Mã Văn B1, sinh năm 1979 và bà Hoàng Thị P2, sinh năm 1980; đều là lao động tự do và cùng trú tại xóm B, xã Q, tỉnh Cao Bằng; Bị cáo là con cả trong gia đình có 02 anh em; Vợ, con: chưa có; Tiền

án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/4/2026 đến ngày 01/5/2026. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xóm B, xã Q, tỉnh Cao Bằng từ ngày 02/5/2026 đến nay. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Hù Tiền G, Trấn Văn H2: Ông Nông Văn S2 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Mã Văn B: Bà Hà Thị B2 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 15 giờ 30 ngày 23/4/2026, tại tầng 2 nhà trọ cho thuê của Nông Thị O ở xóm N, xã T, tỉnh Cao Bằng. Tổ công tác Đồn Biên phòng Cửa khẩu T1 phối hợp với Đội Đặc nhiệm Phòng chống ma túy và tội phạm, Phòng nghiệp vụ, Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh C, PC02 Công an tỉnh C, Công an xã T phát hiện bắt quả tang 06 người đang ngồi đánh bạc gồm: Đặng Văn S1, sinh năm 1989, trú tại thôn T, xã P, tỉnh Tuyên Quang; Phán A, sinh năm 1992, trú tại xóm B, xã C, tỉnh Cao Bằng; Hoàng Văn C, sinh năm 1996, trú tại xóm N, xã C, tỉnh Cao Bằng; Hù T, sinh năm 1998, trú tại xóm B, xã C, tỉnh Cao Bằng; Trấn Văn H2, sinh năm 2001, trú tại xóm B, xã C, tỉnh Cao Bằng và Mã Văn B, sinh năm 2002, trú tại xóm B, xã Q, tỉnh Cao Bằng đang đánh bạc được thua bằng tiền mặt với trò chơi xóc đĩa (chẵn lẻ). Thu giữ trên chiếu bạc 04 quân vị hình tròn được cắt từ vỏ bao thuốc lá, 01 bát sứ màu trắng, 01 đĩa sứ màu trắng; dưới đĩa sứ màu trắng giữa chiếu bạc 800.000 đồng, trước mặt S1 40.000 đồng, trước mặt C5 750.000 đồng, C 1.160.000 đồng, G 2.000.000 đồng, H2 2.000.000 đồng, Bộ 450.000 đồng (tổng cộng 7.200.000 đồng); thu giữ trong người Sỉnh 9.700.000 đồng, trong người Bộ 3.000.000 đồng; thu giữ 05 điện thoại di động của S1, C5, C, H2, Bộ.

Tại cơ quan điều tra, Hù T, Phán A, Hoàng Văn C, Đặng Văn S1, Trấn Văn H2, Mã Văn B đều khai ngày 23/4/2026 khi thấy tại phòng trọ tầng 2 nhà trọ Nông Thị O có nhiều người đánh xóc đĩa được thua bằng tiền mặt nên tham gia đánh cùng. Hình thức đánh là sử dụng 04 quân vị được cắt từ vỏ bao thuốc lá, một mặt màu trắng, một mặt màu vàng, sử dụng bát và đĩa xóc 04 quân vị, sẽ có một người chơi ngẫu nhiên xóc đĩa xóc các quân vị rồi đặt xuống chiếu bạc để mọi người đặt cược cửa chẵn hay lẻ với số tiền đặt cửa từ 10.000 đồng đến 200.000 đồng. Sau khi xóc xong sẽ có 01 người chơi ngẫu nhiên mở bát xem kết quả (người mở bát là người làm nhà cái ván này) nếu người mở bát cược lẻ thì người chơi khác cược lẻ không tính thắng thua ván này, chỉ có những người cược chẵn mới tính thắng thua với người mở bát. Khi còn 06 người đang đánh bạc thì bị phát hiện bắt quả tang. Số tiền bị thu giữ trên chiếu bạc và trước mặt là 7.200.000 đồng là dùng để đánh bạc. Số tiền 9.700.000 đồng thu giữ trong người Đặng Văn S1 khai sẽ dùng vào đánh bạc; số tiền 3.000.000 đồng thu giữ trong người Mã Văn B khai sẽ dùng vào đánh bạc.

Như vậy, ngày 23/4/2026, Hù T, Phán A, Hoàng Văn C, Đặng Văn S1, Trấn Văn H2, Mã Văn B đánh bạc với số tiền 19.900.000 đồng.

Vật chứng vụ án gồm bộ dụng cụ dùng xóc đĩa, 05 điện thoại di động hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng của Cơ quan Cảnh sát điều tra; còn số tiền thu giữ đang được bảo quản tại Kho bạc Nhà nước khu vực VII.

Tại bản cáo trạng số 68/CT-VKSKV3 ngày 06 tháng 7 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Cao Bằng đã truy tố các bị cáo Hù T, Phán A, Hoàng Văn C, Đặng Văn S1, Trấn Văn H2, Mã Văn B về Tội đánh bạc, quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo thừa nhận Cáo trạng phản ánh đúng diễn biến hành vi phạm tội của mình và không có ý kiến gì khiếu nại trong quá trình điều tra.

Hù T, Phán A, Hoàng Văn C, Đặng Văn S1, Trấn Văn H2, Mã Văn B đều khai ngày 23/4/2026 khi thấy tại phòng trọ tầng 2 nhà trọ Nông Thị O có nhiều người đánh xóc đĩa được thua bằng tiền mặt nên tham gia đánh cùng. Hình thức đánh là sử dụng 04 quân vị được cắt từ vỏ bao thuốc lá, một mặt màu trắng, một mặt màu vàng, sử dụng bát và đĩa xóc 04 quân vị, sẽ có một người chơi ngẫu nhiên xóc đĩa xóc các quân vị rồi đặt xuống chiếu bạc để mọi người đặt cược cửa chẵn hay lẻ với số tiền đặt cửa từ 10.000 đồng đến 200.000 đồng. Sau khi xóc xong sẽ có 01 người chơi ngẫu nhiên mở bát xem kết quả (người mở bát là người làm nhà cái ván này) nếu người mở bát cược lẻ thì người chơi khác cược lẻ không tính thắng thua ván này, chỉ có những người cược chẵn mới tính thắng thua với người mở bát. Khi còn 06 người đang đánh bạc thì bị phát hiện bắt quả tang. Số tiền bị thu giữ trên chiếu bạc và trước mặt là 7.200.000 đồng là dùng để đánh bạc. Số tiền 9.700.000 đồng thu giữ trong người Đặng Văn S1 khai sẽ dùng vào đánh bạc; số tiền 3.000.000 đồng thu giữ trong người Mã Văn B khai sẽ dùng vào đánh bạc.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 38; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với Hù T. Xử phạt bị cáo G từ 6 - 12 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo: Phán A C5, Hoàng Văn C, Trấn Văn H2, Mã Văn B. Xử phạt các bị cáo C5, C, H2, Bộ từ 6 - 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 12 đến 24 tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với Đặng Văn S1. Xử phạt bị cáo S1 từ 6 -12 tháng tù; Thời gian thử thách từ 12 đến 24 tháng.

Về vật chứng và tài sản tạm giữ: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị tịch thu tiêu huỷ "Tang vật vụ việc Đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa, xảy ra ngày 23/4/2026 tại xóm N, xã T, tỉnh Cao Bằng" được niêm phong trong 01 hộp catton Bảo quản tại kho vật chứng Cơ quan CSĐT; "Quân vị xóc đĩa" niêm phong trong 01 phong bì;

Trả lại cho các bị cáo: Phán Văn C3 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Viettel màu đỏ; Trấn Văn H2 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Honor màu đen; Mã Văn B 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu tím; Hoàng Văn C 01 Điện thoại di động

nhãn hiệu OPPO màu đen; Đặng Văn S1 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu đỏ. Tất cả các điện thoại đều được niêm phong trong 01 phong bì riêng.
Cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước Tiền đánh bạc Số tiền 19.900.000 đồng bảo quản tại Kho bạc Nhà nước khu vực VII.
Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng đối với các bị cáo;
Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.
Người bào chữa cho bị cáo Hù Tiền G và Trần Văn H4 trình bày: Về tội danh không có gì cần tranh luận với đề nghị của Viện kiểm sát; Về mức hình phạt mong Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho các bị cáo được hưởng mức án khởi điểm mà Viện kiểm sát đề nghị đối với 02 bị cáo. Người ra các bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên xin được miễn án phí cho các bị cáo.
Người bào chữa cho bị cáo Mã Văn B trình bày:Về tội danh hoàn toàn nhất trí với phần luận tội của Viện kiểm sát, không có gì cần tranh luận. Mong Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự như đề nghị của Viện kiểm sát; Ngoài ra bị cáo B có ông nội là Mã Văn C4 là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhất và là thương binh nên cần cho bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất theo mức đề nghị của Viện kiểm sát là 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và yêu cầu cho bị cáo được miễn án phí vì bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận, chỉ đề Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được miễn án phí.

Ý kiến tranh luận của Kiểm sát viên: Tại phiên tòa người bào chữa cho các bị cáo và các bị cáo xin được miễn án phí. Căn cứ vào quy định của pháp luật thì các bị cáo Hù Tiền G, Phán A, Hoàng Văn C, Trấn Văn H2, Mã Văn B là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Đối với bà Nông Thị O chủ nhà trọ, khi các bị cáo đánh bạc bà O không biết nên cơ quan điều tra không xử lý trong vụ án này là có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:
[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi,

quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về các yếu tố cấu thành tội phạm: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, hoàn toàn phù hợp với các lời khai tại Cơ quan điều tra về thời gian, địa điểm phạm tội và các tài liệu khác có trong hồ sơ nên có cơ sở để kết luận: Hồi 15 giờ 30 ngày 23/4/2026, tại xóm N, xã T, tỉnh Cao Bằng. Tổ công tác Đồn Biên phòng Cửa khẩu T1 phối hợp với Đội Đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm, Phòng nghiệp vụ, Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh C, Phòng C6 Công an tỉnh C, Công an xã T phát hiện bắt quả tang Hù T, Phán A, Hoàng Văn C, Đặng Văn S1, Trấn Văn H2, Mã Văn B đánh bạc 19.900.000 đồng với hình thức chơi xóc đĩa được thua bằng tiền mặt.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp ảnh hưởng đến trật tự xã hội ở địa phương, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, hoàn toàn nhận thức được hành vi đánh bạc trái phép là vi phạm pháp luật, nhưng vì hám lợi nên vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Đồng thời khi thực hiện hành vi phạm tội tất cả các bị cáo đều có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 19.900.000 đồng. Do đó, hành vi của các bị cáo đã phạm tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và hình phạt đối với bị cáo:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên cả 06 bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Phán A C5, Hoàng Văn C, Đặng Văn S1, Trấn Văn H2, Mã Văn B phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra các bị cáo Hù Tiền G, Phán A, Hoàng Văn C, Trấn Văn H2, Mã Văn B là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo Mã Văn B có ông nội là Mã Văn C4 là người có công với cách mạng đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất nên được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về nhân thân:

Bị cáo Hù Tiền G đã bị xử phạt hành chính và bị xét xử về hành vi đánh bạc, cụ thể: Ngày 06/7/2017 bị Công an huyện B, tỉnh Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc; Ngày 20/8/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng xử phạt 06 tháng tù về Tội đánh bạc. Bị cáo kháng cáo, ngày 18/11/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt 06 tháng tù treo, thời gian thử thách 12 tháng; sau đó tiếp tục phạm tội, ngày 29/4/2021, Hù T bị Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc xử phạt 12 tháng tù. Tổng hợp hình phạt của hai bản án là 18 tháng tù, thời

hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị bắt, tạm giam là ngày 06/12/2020. Đã được xóa án tích. Tuy nhiên, bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục có hành vi phạm tội, điều này cho thấy ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo là không tốt. Nên cần có mức án nghiêm khắc là cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cho bị cáo cải tạo thành người có ích cho xã hội và gia đình.

Các bị cáo Phán A C5, Đặng Văn S1, Trấn Văn H2, Hoàng Văn C, Mã Văn B là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Các bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên khi áp dụng mức hình phạt cũng cần xem xét nhân thân của các bị cáo là nhân thân tốt mà đưa ra mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để nhằm mục đích giáo dục và cải tạo bị cáo thành người tốt cho xã hội.

Căn cứ vào Điều 65 Bộ luật hình sự xét thấy các bị cáo Phán A, Đặng Văn S1, Trấn Văn H2, Hoàng Văn C, Mã Văn B đều có gia đình và có nơi thường trú rõ ràng nên đủ điều kiện để xem xét cho hưởng án treo. Ngoài ra các bị cáo Phán Văn C3, Đặng Văn S1, Trấn Văn H2, Hoàng Văn C đã bị áp dụng dụng biện pháp tạm giam từ ngày 23/4/2026 đến ngày xét sử là 03 tháng 12 ngày cũng đã thể hiện sự nghiêm khác của pháp của pháp luật đối với hành vi phạm tội của các bị cáo. Vì vậy cần cho các bị cáo một mức án có thời hạn, cho các bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và giao các bị cáo cho UBND xã nơi các bị cáo thường trú giám sát và giáo dục cũng đủ để răn đe và giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội; Đồng thời cũng đủ để răn đe, phòng ngừa đối với tội phạm nói chung.

Xét tính chất, mức độ tham gia của từng bị cáo thấy rằng: Trong vụ án này các bị cáo không có sự bàn bạc trước, không có sự phân công vai trò hoặc rủ rê đánh bạc mà các bị cáo đều cùng nhau phát sinh hành vi đánh bạc nên đều là đồng phạm với tính chất giản đơn và đều là người thực hành, nên tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo là như nhau.

Đề nghị của Kiểm sát viên đối với các bị cáo, của người bào chữa phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nên được chấp nhận.

[4]. Về xử lý vật chứng và tài sản tạm giữ:

điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Cần tịch thu tiêu huỷ "Tang vật vụ việc Đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa, xảy ra ngày 23/4/2026 tại xóm N, xã T, tỉnh Cao Bằng" được niêm phong trong 01 hộp catton Bảo quản tại kho vật chứng Cơ quan CSĐT; "Quân vị xóc đĩa" niêm phong trong 01 phong bì. Vì liên quan đến hành vi phạm tội và không có giá trị sử dụng.

Trả lại cho các bị cáo: 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Viettel màu đỏ tạm giữ của Phán A C5 niêm phong trong 01 phong bì; 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Honor màu đen tạm giữ của Trấn Văn H2 niêm phong trong 01 phong bì; 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu tím tạm giữ của Mã Văn B, niêm phong trong 01 phong bì; 01 Điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen tạm giữ của Hoàng Văn C niêm phong trong 01 phong bì; 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu đỏ tạm giữ của Đặng Văn S1, niêm phong trong 01 phong bì.

Cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền các bị cáo đã sử dụng vào việc đánh bạc 19.900.000 đồng, hiện nay đang được bảo quản tại Kho bạc Nhà nước khu vực VII.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy tất cả các bị cáo làm nghề tự do không có công việc thu nhập ổn định, không có tài sản riêng để bảo đảm thi hành án nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo là có căn cứ.

[6] Nhận định khác: Đối với Nông Thị O, khi các bị cáo đánh bạc tại nhà trọ bà O không biết và không được hưởng lợi gì từ việc các bị cáo đánh. Do đó, Cơ quan điều tra không đề nghị xử lý đối với Nông Thị O là đúng quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Các bị cáo là người bị kết tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, các bị cáo Hù T, Phán A, Hoàng Văn C, Trấn Văn H2, Mã Văn B là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nên các bị cáo này được miễn án phí theo quy định của pháp luật. Bị cáo Đặng Văn S1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ để sung vào ngân sách Nhà nước.

[8]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 38; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với Hù T.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự; Phán A, Hoàng Văn C, Trấn Văn H2, Mã Văn B;

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với Đặng Văn S1.

Nghị Quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc: Sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo: Phán A C5, Hoàng Văn C, Đặng Văn S1, Trấn Văn H2, Mã Văn B.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Hù T, Phán A, Hoàng Văn C, Đặng Văn S1, Trấn Văn H2, Mã Văn B phạm tội "Đánh bạc".

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Hù Tiền G 06 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị tam giữ, tạm giam 23/4/2026.

- Xử phạt bị cáo Phán A C5 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách 12 tháng được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã C, tỉnh Cao Bằng giám sát và giáo dục trong thời gian bị cáo chấp hành bản án.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Văn C 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách 12 tháng được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã C, tỉnh Cao Bằng giám sát và giáo dục trong thời gian bị cáo chấp hành bản án.

- Xử phạt bị cáo Đặng Văn S1 06 nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách 12 tháng được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã P, tỉnh Tuyên Quang giám sát và giáo dục trong thời gian bị cáo chấp hành bản án.
- Xử phạt bị cáo Trần Văn H2 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách 12 tháng được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã C, tỉnh Cao Bằng giám sát và giáo dục trong thời gian bị cáo chấp hành bản án.
- Xử phạt bị cáo Mã Văn B 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách 12 tháng được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Q, tỉnh Cao Bằng giám sát và giáo dục trong thời gian bị cáo chấp hành bản án.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 87 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng Điều 125, Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự. Hủy bỏ biện pháp tạm giam và trả tự do cho các bị cáo: Phán A, Hoàng Văn C, Đặng Văn S1, Trần Văn H2 tại phiên tòa, nếu không bị tạm giam về tội khác.

3. Về xử lý vật chứng và tài sản tạm giữ: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Cần tịch thu tiêu huỷ "Tang vật vụ việc Đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa, xảy ra ngày 23/4/2026 tại xóm N, xã T, tỉnh Cao Bằng" niêm phong trong 01 hộp catton Bảo quản tại kho vật chứng Cơ quan CSĐT; "Quân vị xóc đĩa" niêm phong trong 01 phong bì;

Trả lại cho các bị cáo: 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Viettel màu đỏ tạm giữ của Phán A C5 niêm phong trong 01 phong bì; 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Honor màu đen tạm giữ của Trần Văn H2 niêm phong trong 01 phong bì; 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu tím tạm giữ của Mã Văn B, niêm phong trong 01 phong bì; 01 Điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen tạm giữ của Hoàng Văn C niêm phong trong 01 phong bì; 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu đỏ tạm giữ của Đặng Văn S1, niêm phong trong 01 phong bì.

Xác nhận số vật chứng trên đang được lưu giữ tại kho vật chứng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C theo Lệnh nhập vật chứng số: 1099/LNK-CSHS ngày 10/6/2026 và Phiếu nhập kho vật chứng và tài liệu, đồ vật số: 139/LNK ngày 10/6/2026.

Cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước Tiền đánh bạc Số tiền 19.900.000 đồng (Mười chín triệu chín trăm nghìn đồng) bảo quản tại Kho bạc Nhà nước khu vực VII địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Xác nhận số tiền trên đang được bảo quản tại Kho bạc Nhà nước khu vực VII địa bàn tỉnh Cao Bằng theo Công văn số: 2115/CSHS- (Đ4) ngày 25/05/2026 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C; Biên bản bàn giao tiếp nhận tài sản để bảo quản số: 23/26/BBBG- ngày 25/05/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C và Ban Q tại địa bàn tỉnh Cao Bằng.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12; Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Hù Tiền G, Phán A, Hoàng Văn C, Trấn Văn H2, Mã Văn B được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Đặng Văn S1 phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng;
- VKSND khu vực 3 - Cao Bằng;
- Cơ quan CSĐT khu vực 3;
- UBND xã Cô Ba, Cao Bằng, (bằng t/báo);
- UBND xã Quang Hán, Cao Bằng (bằng t/báo);
- UBND xã Phù Lưu, Tuyên Quang (bằng t/báo)
- Các bị cáo;
- Lưu HS vụ án; Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nông Quốc Hùng